***Ngày soạn: Ngày dạy:***

**Tiết 44: ĐỘNG TỪ**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức**:Giúp HS:

* Cũng cố và nâng cao một bước kiến thức về động từ đã học ở bậc tiểu học.
* Giúp HS nắm được đặc điểm của động từ và 1 số loại động từ quan trọng.

**2.Kĩ năng**:Biết sử dụng đúng động từ khi nói, viết.

* Biết nhận biết phân loại động từ, sử dụng đúng động từ.

**3.Thái độ**: Tự tin khi sử dụng động từ trong khi nói và viết cho hiệu quả.

**II**.**CHUẨN BỊ**

* GV: Soạn giáo án, chuẩn bị bảng phụ
* HS: Đọc trước bài ở nhà
* PP; thuyết trình, vấn đáp…

**4. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự học**;** Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực thẩm mỹ; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

**- Năng lực riêng:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực thuyết trình, năng lực đọc – hiểu văn bản.

**III.** **TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:** (1 phút)

**2. Kiểm tra bài cũ** : Lồng ghép trong bài mới

**3. Bài mới**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên*** |  ***Hđ của h/s*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (2’*)*** |
| Tổ chức cho HS hát tập thể 1 bàiGV dẫn vào bài | HS hát  |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20’)** |
| ***HĐ1Hướng dẫn tìm hiểu mục 1*** -Gọi học sinh đọc ví dụ ở bảng phụ.? Ở cấp 1 các em đã được làm quen với động từ. Vậy thế nào là động từ ?? Hãy chỉ những động từ trong 3 VD.? Ý nghĩa khái quát của những động từ vừa tìm được là gì?- GV: Cho HS đặt câu 🠦hướng dẫn HS để HS thấy được động từ có khả năng kết hợp với các từ: đã, đang, sẽ, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng...? Theo em hoạt động NP chủ yếu của động từ là gì?? Phân biệt động từ và danh từ?***HĐ 2:Hướng dẫn tìm hiểu mục II*** Gọi HS đọc ví dụ1 và trả lời câu hỏi.? Xếp động từ vào bảng?  | 1H đọc ví dụ1 HS trả lời.1 HS cho ví dụ.HS thảo luận, trao đổi.1 HS trả lời.Lớp lắng nghe.1 HS trả lời.1 HS khá trả lời.1H đọc ví dụ.1 HS trả lời. | **I. Đặc điểm của động từ.** 1.Ví dụ:  \*Nhận xét:a) đi, đến, ra, hỏib) lấy, làm, lễc) treo, có, xem, cười, bảo, bản, phải, đề.🠦 chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.VD: Tôi *đã* làm bài *đang* *sẽ, cũng*... *Đừng* đi chơi *Chớ.* *Hãy...*🠢 Động từ có khả năng kết hợp với các từ: đã, đang, sẽ, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng...- Làm VN (thường kết hợp sau những từ hãy, đừng, chớ...)- Làm CN: không kết hợp với những từ đó.VD: Làm VN *Bạn đừng đi chơi* Làm CN *Chạy là một hoạt động tốt*.\* Danh từ:- Không kết hợp với các từ đã, đang, sẽ...\* Động từ:- Kết hợp được... VD: *đã* học bài- Không kết hợp với những từ chỉ lượng VD: Những *đi*, một *ăn*...- Thường làm VN- Làm CN (không kết hợp với những từ đã đang...) VD: không thể nói: *hãy* ghế, *đã* bàn.- Kết hợp được với những từ chỉ lượng VD: *Một* con gà...- Thường làm CN- Làm VN (thường sau từ là)**II. Phân loại động từ**1.Ví dụ:  \*Nhận xét:- Các động từ: Dám, toan, định, đòi hỏi động từ khác đi kèm.🠢 Đtừ chỉ tình thái.- Các động từ: Đi, chạy, ngồi không đòi hỏi động từ khác đi kèm 🠢Đtừ chỉ hành động.- Các động từ: Buồn, gãy, ghét, đau, nhức, vui, yêu không đòi hỏi động từ khác đi kèm 🠢Đtừ chỉ trạng thái.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Thường đòi hỏi động từ khác đi kèm phía sau | Không đòi hỏi động từ từ khác đi kèm phía sau |
| Trả lời câu hỏi làm gì |  | đi, chạy, cười, đọc, hỏi, ngồi, đứng (hđộng) |
| Trả lời câu hỏi làm sao thế nào? | Dám, toàn, định | Buồn, gãy, ghét, đau, nhức, nứt, vui, yêu(trạng thái) |
|  | Động từ chỉ tình thái | Động từ chỉ hành độngĐộng từ chỉ trạng thái |

2. Ghi nhớ (SGK) |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15’)** |
| ***HĐ3: HD HS luyện tập***.- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.- GV cho hoạt động nhóm, sau đó nhận xét ghi điểm.GV đọc chính tả yêu cầu học sinh nghe viết: Con hổ có nghĩa (từ hhỗ đực mừng rỡ đến làm ra vẻ tiễn biệt) | H đọc.1H đọc yêu cầu bài tậpN1 BT1N2  BT2Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét, bổ sung.Cả lớp viết. | **III. Luyện tập.**Bài tập 1: - Hay khoe, chả thấy, chợt thấy, có thấy, liền giơ 🠢Đtừ chỉ tình thái.-Khoe, may, đem, mặc, đứng, khen, thấy, hỏi tất tưởi, giơ, mặc 🠢Đtừ chỉ hành động.- May được, tức tưởi 🠢Đtừ chỉ trạng thái.Bài tập 2: Buồn cười ở chỗ: Thà chết chứ không chịu đưa cho ai cái gì, nếu nói cầm thì anh ta mới chịu cho người ta cứu.🠢Đây là bản tính bần tiện khiến cho việc dùng từđưa và cầm đã trở thành máy móc của anh hà tiệnBài tập 3: Yêu cầu viết chính tả đúng dấu hỏi, ngã. |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (6’)** |
| **GV Tổ chức cho HS trò chơi “Đội nào nhanh hơn”**Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 5 người. Đứng thành 2 hàng. Trong vòng 1 phút, các thành viên lần lượt lên bảng viết những động từ với chủ đề “học tập”. Đội nào hoàn thành nhanh hơn, đúng hơn đội đó thắng. | Cả lớp chơi theo sự điều hành của giáo viên |  |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI – MỞ RỘNG (1’)** |
| -Làm bài tập còn lại ở sgk .-Chuẩn bị bài mới: Cụm động từ, đọc trước bài và trả lời câu hỏi ở sgk. |  |  |

**Rút kinh nghiệm:**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………